

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU RIBETO KẾT NỐI
NHẬT - VIỆT**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU RIBETO KẾT NỐI NHẬT - VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM - JAPAN CONNECTION
RIBETO IMPORT EXPORT TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIETNAM - JAPAN RIBETO., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108028635

3. Ngày thành lập: 19/10/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 4 ngõ 90 phố Trần Đại Nghĩa, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
2.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
3.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
4.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
5.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
6.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
7.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ đầu giá)	4799
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
12.	Bán buôn tổng hợp	4690
13.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
14.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
15.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
16.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
17.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

18.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
19.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
20.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đấu giá)	4774
21.	Bán buôn gạo	4631
22.	Bán buôn đồ uống	4633
23.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
24.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
25.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
26.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
27.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
28.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
29.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
30.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
31.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
32.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
33.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
34.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	4791
35.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ đấu giá)	8299
37.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
38.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
39.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đấu giá)	4543(Chính)
40.	Đại lý, môi giới, đấu giá (trừ đấu giá) Chi tiết: Ủy thác mua bán hàng hóa; Đại lý thương mại	4610
41.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

42.	Bán buôn thực phẩm	4632
43.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ VĂN QUYẾN	Tổ 1 Khu 7, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	90,000	022083000656	
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	90,000		
2	NGUYỄN NAM TÂN	Tổ 6, Khu 4, Phường Yết Kiêu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5,000	100847253	
			Tổng số	25.000	250.000.000	5,000		
3	TRẦN THỊ THU HẰNG	Xóm 5, Xã Liên Hòa, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5,000	101112268	
			Tổng số	25.000	250.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **ĐỖ VĂN QUYẾN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *01/01/1983*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *022083000656*

Ngày cấp: *02/12/2015*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 1 Khu 7, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 1 Khu 7, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội